



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25070016

Tên khách hàng/Customer's name: Chi nhánh Tại tỉnh Kiên Giang - Công ty cổ phần Bệnh viện Đa
khoa Quốc tế Vinmec
Địa chỉ/Address: Khu Bãi Dài, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sinh hoạt bệnh viện
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào chai nhựa PE nắp vặn, thể tích 3L;
Bảo quản lạnh
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Bể tập trung
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 30/06/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 02/07/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW3114B:2 023
2.	Clo dư	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2017
3.	Độ đục*	1,72	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	14,7	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,81	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Amoni (NH ₄ ⁺)	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
8.	Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
9.	Cadimi (Cd)*	<0,0005	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
10.	Chỉ số Pecmanganat	<1	mg/L	2	TCVN 6186:1996
11.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
12.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
13.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	27,4	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
14.	Kẽm (Zn)*	<0,02	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
15.	Mangan tổng số (Mn)	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
16.	Natri (Na)	24,9	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
17.	Nhôm (Al)	0,043	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
18.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111B:2017
19.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)	<0,1	mg/L	11	SMEWW 4500NO ₃ - E: 2023
20.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,025	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
21.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017
22.	Selen (Se)	<0,01	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
23.	Sulfate (SO ₄)*	50,8	mg/L	250	SMEWW 4500 SO ₄ - E: 2023
24.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	<0,05	mg/L	0,05	SMEWW 4500 S ₂ - B&D: 2023
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	108,5	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
26.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN-.E.2017
27.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
28.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
29.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
30.	Clorua	23,8	mg/L	250	TCVN 6194:1996
31.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
32.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
33.	Bromat*	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
34.	Dichloromethane*	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
35.	1,1,1 Tricloroethane*	<0,2	µg/L	2.000	US EPA 8260C
36.	Vinyl clorua*	<0,1	µg/L	0,3	US EPA 8260C
37.	1,2 - Dicloroethane*	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260C
38.	1,2 - Dicloroethene*	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260C
39.	Carbon tetrachloride*	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260C
40.	Tetracloroeten*	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260C

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
41.	Trichloroethene*	<0,5	µg/L	8	Us EPA Method 8260C
42.	Benzen*	<0,5	µg/L	10	Us EPA Method 8260C
43.	Ethylbenzene*	<0,5	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
44.	Phenol và dẫn xuất của phenol* (Pentachlorophenol)	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 8270D
45.	Styrene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
46.	Toluen*	<0,5	µg/L	700	Us EPA Method 8260C
47.	Xylen*	<0,5	µg/L	500	Us EPA Method 8260C
48.	1,2-Dichlorobenzene*	<0,5	µg/L	1.000	Us EPA Method 8260C
49.	Monoclorobenzen*	<0,1	µg/L	300	US EPA 8260C
50.	Tổng Trichlorobenzene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
51.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	US EPA Method 8032A
52.	Epiclohydrin*	<0,1	µg/L	0,4	US EPA 8260C
53.	Hexachlorobutadiene*	<0,2	µg/L	0,6	US EPA 8260C
54.	1,2-Dibromo-3- Chloropropane*	<0,1	µg/L	1	US EPA 8260C
55.	1,2-Dichloropropane*	<1	µg/L	40	Us EPA Method 8260C
56.	1,3 - Dichloropropen*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
57.	2,4 - D*	<1	µg/L	30	US EPA Method 555
58.	2,4 - DB*	<2	µg/L	90	US EPA Method 555
59.	Alachlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
60.	Aldicarb*	<1	µg/L	10	US EPA Method 531.2
61.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine*	<0,02	µg/L	100	US EPA Method 525.3
62.	Carbofuran*	<0,01	µg/L	5	US EPA Method 8270D
63.	Chlorpyrifos*	<0,01	µg/L	30	US EPA Method 8270D
64.	Clodane*	<0,02	µg/L	0,2	US EPA Method 8270D
65.	Chlorotoluron*	<0,02	µg/L	30	US EPA Method 525.3
66.	Cyanazine*	<0,01	µg/L	0,6	US EPA Method 525.3
67.	DDT và các dẫn xuất*	<0,02	µg/L	1	US EPA Method 8270D

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
68.	Dichloprop*	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
69.	Fenoprop*	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
70.	Hydroxyatrazine*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
71.	Isoproturon*	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
72.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) *	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
73.	Mecoprop - MCPP*	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
74.	Methoxychlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
75.	Molinate*	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
76.	Pendimetalin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
77.	Permethrin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
78.	Propanil*	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
79.	Simazine*	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
80.	Trifuralin*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
81.	2,4,6 Triclorophenol*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
82.	Bromodichloromethane*	<1	µg/L	60	US EPA Method 8260C
83.	Bromoform*	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 8260C
84.	Chloroform*	<1	µg/L	300	US EPA Method 8260C
85.	Dibromoacetonitrile*	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
86.	Dibromochloromethane*	<1	µg/L	70	US EPA Method 8260C
87.	Dichloroacetonitrile*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
88.	Dichloroacetic acid*	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
89.	Formaldehyde*	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
90.	Monochloramine*	<0,03	mg/L	3.000	SMEWW4500CL.G:2023
91.	Monochloroacetic acid*	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
92.	Trichloroacetic acid*	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
93.	Trichloroaxetonitril*	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
94.	Tổng hoạt độ phóng xạ α *	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
95.	Tổng hoạt độ phóng xạ β *	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
96.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
97.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW 9213B-6c: 2023
98.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1:2019
99.	<i>E.Coli</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1:2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25070017

Tên khách hàng/Customer's name: Chi nhánh Tại tỉnh Kiên Giang - Công ty cổ phần Bệnh viện Đa
khoa Quốc tế Vinmec
Địa chỉ/Address: Khu Bãi Dài, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sinh hoạt bệnh viện
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào chai nhựa PE nắp vặn, thể tích 3L;
Bảo quản lạnh
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Đầu vòi ăn uống bất kỳ
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 30/06/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 02/07/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW3114B:2 023
2.	Clo dư	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2017
3.	Độ đục*	<0,05	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	<3	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,89	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Amoni (NH ₄ ⁺)	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
8.	Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
9.	Cadimi (Cd)*	<0,0005	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
10.	Chỉ số Pecmanganat	<1	mg/L	2	TCVN 6186:1996
11.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
12.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
13.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	20,4	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
14.	Kẽm (Zn)*	<0,02	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
15.	Mangan tổng số (Mn)	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) on/y.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
16.	Natri (Na)	24,9	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
17.	Nhôm (Al)	0,026	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
18.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111 B:2017
19.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)	<0,1	mg/L	11	SMEWW 4500NO3- E: 2023
20.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,025	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
21.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017
22.	Selen (Se)	<0,01	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
23.	Sulfate (SO ₄)*	46,2	mg/L	250	SMEWW 4500 SO42- E: 2023
24.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	<0,05	mg/L	0,05	SMEWW 4500 S2- B&D: 2023
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	99,1	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
26.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN- .E.2017
27.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
28.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
29.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
30.	Clorua	18,8	mg/L	250	TCVN 6194:1996
31.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
32.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
33.	Bromat*	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
34.	Dichloromethane*	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
35.	1,1,1 Tricloroethane*	<0,2	µg/L	2.000	US EPA 8260C
36.	Vinyl clorua*	<0,1	µg/L	0,3	US EPA 8260C
37.	1,2 - Dicloroethane*	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260C
38.	1,2 - Dicloroethene*	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260C
39.	Carbon tetrachloride*	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260C
40.	Tetracloroeten*	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260C

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/ The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
41.	Trichloroethene*	<0,5	µg/L	8	Us EPA Method 8260C
42.	Benzen*	<0,5	µg/L	10	Us EPA Method 8260C
43.	Ethylbenzene*	<0,5	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
44.	Phenol và dẫn xuất của phenol* (Pentachlorophenol)	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 8270D
45.	Styrene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
46.	Toluen*	<0,5	µg/L	700	Us EPA Method 8260C
47.	Xylen*	<0,5	µg/L	500	Us EPA Method 8260C
48.	1,2-Dichlorobenzene*	<0,5	µg/L	1.000	Us EPA Method 8260C
49.	Monoclorobenzen*	<0,1	µg/L	300	US EPA 8260C
50.	Tổng Trichlorobenzene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
51.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	US EPA Method 8032A
52.	Epichlorhydrin*	<0,1	µg/L	0,4	US EPA 8260C
53.	Hexachlorobutadiene*	<0,2	µg/L	0,6	US EPA 8260C
54.	1,2-Dibromo-3- Chloropropane*	<0,1	µg/L	1	US EPA 8260C
55.	1,2-Dichloropropane*	<1	µg/L	40	Us EPA Method 8260C
56.	1,3 - Dichloropropen*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
57.	2,4 - D*	<1	µg/L	30	US EPA Method 555
58.	2,4 - DB*	<2	µg/L	90	US EPA Method 555
59.	Alachlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
60.	Aldicarb*	<1	µg/L	10	US EPA Method 531.2
61.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine*	<0,02	µg/L	100	US EPA Method 525.3
62.	Carbofuran*	<0,01	µg/L	5	US EPA Method 8270D
63.	Chlorpyrifos*	<0,01	µg/L	30	US EPA Method 8270D
64.	Clodane*	<0,02	µg/L	0,2	US EPA Method 8270D
65.	Chlorotoluron*	<0,02	µg/L	30	US EPA Method 525.3
66.	Cyanazine*	<0,01	µg/L	0,6	US EPA Method 525.3
67.	DDT và các dẫn xuất*	<0,02	µg/L	1	US EPA Method 8270D

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

93-0
NHÂN
TƯ T
-IEI
M PH
ITE
N-3



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
68.	Dichloprop*	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
69.	Fenoprop*	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
70.	Hydroxyatrazine*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
71.	Isoproturon*	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
72.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) *	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
73.	Mecoprop - MCPP*	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
74.	Methoxychlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
75.	Molinate*	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
76.	Pendimetalin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
77.	Permethrin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
78.	Propanil*	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
79.	Simazine*	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
80.	Trifuralin*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
81.	2,4,6 Trichlorophenol*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
82.	Bromodichloromethan e*	<1	µg/L	60	Us EPA Method 8260C
83.	Bromoform*	<0,5	µg/L	100	Us EPA Method 8260C
84.	Chloroform*	<1	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
85.	Dibromoacetonitrile*	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
86.	Dibromochlorometha ne*	<1	µg/L	70	Us EPA Method 8260C
87.	Dichloroacetonitrile*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
88.	Dichloroacetic acid*	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
89.	Formaldehyde*	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
90.	Monochloramine*	<0,03	mg/L	3.000	SMEWW4500Cl.G:2023
91.	Monochloroacetic acid*	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
92.	Trichloroacetic acid*	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
93.	Trichloroaxetonitril*	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1

02-6
NH
IC
N TÍ
C
P H

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
94.	Tổng hoạt độ phóng xạ α *	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
95.	Tổng hoạt độ phóng xạ β *	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
96.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
97.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW 9213B-6c: 2023
98.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019
99.	<i>E.Coli</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.